Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2201.10.10

Mã HS	2201.10.10
Mô tả hàng hóa	Nước, kể cả nước khoáng tự nhiên hoặc nhân tạo và nước có ga, chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác hoặc hương liệu; nước đá và tuyết / - Nước khoáng và nước có ga: / - - Nước khoáng
Đơn vị	lít/kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 22:46:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/22011010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	52.5	52,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2744
Thuế NK ưu đãi (MFN)	35	35%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2744
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2744
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	4,3	4,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	4,3	4,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	24.5	24,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2721
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2682
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2682
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2682
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2682
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2682
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2682
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E2720
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2720

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2720
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2720
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2720
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2720
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2722
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2722
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2722
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2722
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2722
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2722
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2724
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2688
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2684
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2684
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2684
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2684
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2684
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2684
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2684
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2684
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2684
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2684
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2684
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2684
VCFTA	2022	2022	8	VC!D2731
VCFTA	2023	2023	4	VC!E2731

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2731
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2731
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2731
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2731
VN-EAEU	2022	2022	9,5	EAV!D2728
VN-EAEU	2023	2023	6,4	EAV!E2728
VN-EAEU	2024	2024	3,2	EAV!F2728
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2728
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2728
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2728
AHKFTA	2022	2022	21	AKH!D2736
AHKFTA	2023	2023	14	AKH!E2736
AHKFTA	2024	2024	14	AKH!F2736
AHKFTA	2025	2025	7	AKH!G2736
AHKFTA	2026	2026	7	AKH!H2736
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2736
EVFTA	2022	2022	21,8	EV-NK!D2707
EVFTA	2023	2023	17,5	EV-NK!E2707
EVFTA	2024	2024	13,1	EV-NK!F2707
EVFTA	2025	2025	8,7	EV-NK!G2707
EVFTA	2026	2026	4,3	EV-NK!H2707
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2707
UKVFTA	2022	2022	21,8	UKV!D2709
UKVFTA	2023	2023	17,5	UKV!E2709
UKVFTA	2024	2024	13,1	UKV!F2709
UKVFTA	2025	2025	8,7	UKV!G2709

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	4,3	UKV!H2709
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2709
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	20	CPTPP!D2703
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	15	CPTPP!E2703
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	10	CPTPP!F2703
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	5	CPTPP!G2703
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2703
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2703
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2703
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2726
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2726
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2726
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2726
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2726
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2726
RCEP B	2022	2022	0	B!D2726
RCEP B	2023	2023	0	B!E2726
RCEP B	2024	2024	0	B!F2726
RCEP B	2025	2025	0	B!G2726
RCEP B	2026	2026	0	B!H2726
RCEP B	2027	2027	0	B!I2726
RCEP C	2022	2022	0	C!D2726
RCEP C	2023	2023	0	C!E2726
RCEP C	2024	2024	0	C!F2726
RCEP C	2025	2025	0	C!G2726
RCEP C	2026	2026	0	C!H2726

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2726
RCEP D	2022	2022	0	D!D2726
RCEP D	2023	2023	0	D!E2726
RCEP D	2024	2024	0	D!F2726
RCEP D	2025	2025	0	D!G2726
RCEP D	2026	2026	0	D!H2726
RCEP D	2027	2027	0	D!I2726
RCEP E	2022	2022	0	E!D2729
RCEP E	2023	2023	0	E!E2729
RCEP E	2024	2024	0	E!F2729
RCEP E	2025	2025	0	E!G2729
RCEP E	2026	2026	0	E!H2729
RCEP E	2027	2027	0	E!I2729
RCEP F	2022	2022	0	F!D2726
RCEP F	2023	2023	0	F!E2726
RCEP F	2024	2024	0	F!F2726
RCEP F	2025	2025	0	F!G2726
RCEP F	2026	2026	0	F!H2726
RCEP F	2027	2027	0	F!I2726
VIFTA	2024	2024	31.5	VI!F2546
VIFTA	2025	2025	28	VI!G2546
VIFTA	2026	2026	24.5	VI!H2546
VIFTA	2027	2027	21	VI!I2546

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2201.10 có 2 dòng thuế; dòng 2201.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Nước khoáng.	2201.10.20 Nước có ga	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2201.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 35% của mã 2201.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2744), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.